

Số 41 /2024/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
thành Chi cục Dân số; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày
04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế
hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế và Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thành Chi cục
Dân số trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam.

Thu hồi con dấu của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về cơ quan
có trách nhiệm quản lý.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Dân số là tổ chức thuộc Sở Y tế, thực hiện chức năng tham
mưu giúp Sở Y tế quản lý nhà nước về công tác dân số, bao gồm các lĩnh vực:
quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình và
chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; chỉ đạo và tổ chức thực hiện
các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Dân số chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt
động của Sở Y tế; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn
nghiệp vụ của Cục Dân số thuộc Bộ Y tế.

3. Chi cục Dân số có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu giúp Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chế phối hợp liên ngành, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và xã hội hoá về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Sở Y tế ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình phối hợp liên ngành trong lĩnh vực dân số trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về dân số đã được phê duyệt.

4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu cấp có thẩm quyền lồng ghép nội dung dân số trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

6. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

7. Về quy mô dân số:

a) Theo dõi biến động về dân số, trình cấp có thẩm quyền đề xuất các giải pháp, mô hình điều chỉnh mức sinh và tỷ lệ tăng dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng dự báo dân số phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Về cơ cấu dân số:

a) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp can thiệp về cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật để bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

9. Về chất lượng dân số:

a) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp can thiệp về chất lượng dân số để góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện các đề án nâng cao chất lượng dân số, tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn, giảm táo hôn, hôn nhân cận huyết, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

10. Về kế hoạch hoá gia đình:

a) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu về thực hiện kế hoạch hoá gia đình, biện pháp tránh thai; hướng dẫn các biện pháp phòng tránh vô sinh tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

b) Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai; quản lý điều phối hoạt động cung ứng phương tiện tránh thai qua các kênh phân phối miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hoá trong chương trình dân số.

11. Về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng:

a) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

b) Hướng dẫn tổ chức thực hiện tăng cường sức khỏe, phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho người cao tuổi tại cộng đồng; phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi, phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức hướng dẫn chuyên môn, thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục và cung cấp dịch vụ tư vấn về dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

13. Tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông tin, cải cách hành chính trong phạm vi thẩm quyền được giao.

14. Phối hợp xây dựng hệ thống tin quản lý dữ liệu về dân số, chuyển đổi số trong công tác dân số; tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và báo cáo về dân số theo quy định.

15. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về các hoạt động của các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn về dân số thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh: Dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn, tư vấn sàng lọc trước sinh, sơ sinh, tư vấn kế hoạch hoá gia đình, tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

16. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về dân số cho công chức, viên chức dân số, cộng tác viên và người làm công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo quy định.

17. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; tài chính, tài sản được giao; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Sở Y tế.

18. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Sở Y tế.

19. Tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo về công tác dân số của tỉnh.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về các hoạt động của Chi cục.

b) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền điều hành mọi hoạt động của Chi cục.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Tổ chức, Hành chính và Tài vụ.

b) Phòng Truyền thông - Dân số.

3. Biên chế

Biên chế công chức của Chi cục nằm trong tổng biên chế của Sở Y tế được cấp có thẩm quyền giao hàng năm. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, Chi cục Dân số xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định biên chế công chức theo vị trí việc làm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2024 và bãi bỏ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thành lập Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam; Quyết định số 483/QĐ-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam; Quyết định số 447/QĐ-SYT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 3, Quyết định số 483/QĐ-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Sở Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục Dân số; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ĐK*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, VXNV;
- Lưu: VT, TCDNC(T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy
Trương Quốc Huy